TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 08 - 2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

Các Hội thẩm nhân dân; Ông Trần Ngọc Đằng

Bà Đặng Thị Bé

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Đào – Thư ký Tòa án.

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Tỉnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 30/2017/QĐXX– ST ngày 04 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Anh S, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Phường G, khu B, thành phố Đ, L.

(Chị N có mặt tại phiên tòa; anh S có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/6/2017 chị Nguyễn Thị Ánh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh S quen biết nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 25/01/2016 tại Ủy ban nhân dân tỉnh Đ. Thời gian đầu vợ chồng chị sống chung với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên, về sau giữa chị và anh S thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm không thể hàn gắn được. Khoảng tháng 02/2016, anh S về L không trở lại V. Nên chị N và anh S đã sống ly thân từ tháng 02/2016 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không

còn nữa mục đích hôn nhân không đạt được nên nay chị N yêu cầu được ly hôn với anh S.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị N trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh S có đơn đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Ánh N vào ngày 11/5/2017. Anh S xác định về con chung, tài sản chung và nợ chung không có. Anh S xin vắng mặt trong các lần hòa giải cũng như phiên xét xử tại Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Ánh N kết hôn với anh S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Đ vào ngày 25/01/2016 là là phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 470 của Bộ luật tố tụng dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thì việc ly hôn giữa công dân Việt Nam và người nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam. Căn cứ quy định tại Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì vụ án ly hôn này được áp dụng pháp luật Việt Nam để giải quyết. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của chị N về việc xin được ly hôn với anh S. Hội đồng xét xử xét thấy, theo chị Nguyệt trình bày sau khi kết hôn thì chị N và anh S sống chung với nhau tại Việt Nam nhưng chỉ được một thời gian ngắn thì giữa chị Nguyệt và anh S thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống không thể hàn gắn được. Khoảng tháng 02/2016, anh S về L không trở lại V và anh chị đã sống ly thân cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị N yêu cầu được ly hôn với anh S và anh S cũng đồng ý ly hôn với chị Nguyệt.

Từ đó cho thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh S đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh S là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận yêu cầu của chị N.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh S xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị N phải chịu tiền án dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 147, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm b khoản 1 Điều 470, khoản 5 Điều 477 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ánh N.

- Chị Nguyễn Thị Ánh N được ly hôn với anh S.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ánh N phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số 06714 ngày 23/6/2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn một tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- Phòng KTNV-THA TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Cục THADS Tỉnh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Võ Trinh